

Bán án số: 37/2023/HS-ST
Ngày 06 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Vinh.

Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên; bà Nguyễn Thị Tâm và ông Trần Văn Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quang Huy và ông Trần Thành Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2023/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/6/1973 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kiên C và bà Nguyễn Thị Q; có chồng là Phạm Đình X (đã chết) và có 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 22/8/2007, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Yên Bái xử phạt 10 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; phạt tiền sung quỹ nhà nước 7.000.000 đồng (hiện chưa thi hành tiền án phí và tiền phạt); nhân thân: Ngày 30/4/1994, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán phụ nữ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

2. Lương Văn H, sinh ngày 01/02/1978 tại tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Tổ 06, phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 03/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn D (đã chết) và bà Lương Thị V; có vợ là Trần Thị T và 02 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 29/9/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xử phạt 17 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, phạt bổ sung 10.000.000 đồng (đã nộp tiền án phí và 100.000 đồng tiền phạt, hiện còn 9.900.000 đồng chưa nộp).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

3. Khương Hồng S, sinh ngày 07/02/1988, tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khương Tiến Đ và bà Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 30/11/2012 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ra trại ngày 14/7/2018.

- Ngày 05/8/2019 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội Đánh bạc (áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm).

- Ngày 30/9/2019 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc (áp dụng tình tiết tái phạm). Tổng hợp hình phạt 10 tháng của Bản án số 69/2019/HSST, buộc bị cáo S chịu hình phạt chung 01 năm 07 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt ra trại ngày 02/11/2020.

Nhân thân:

- Ngày 23/8/2005, Tòa án nhân dân huyện tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 15/5/2007, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản

- Ngày 28/9/2007, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 18 tháng tù. Tổng hợp Bản án số 07/2007/HSST ngày 15/5/2007 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng buộc bị cáo S chịu hình phạt chung 30 tháng tù.

- Ngày 20/11/2007 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 30 tháng tù. Tổng hợp Bản án số 80/2007/HSST ngày 28/9/2007 Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang buộc bị cáo S chịu hình phạt chung 60 tháng tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

4. Đào Ngọc Q, sinh ngày 02/4/1990 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc T (đã chết) và bà Chu Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 18/02/2014, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm). Chấp hành xong ra trại ngày 14/01/2020.

Nhân thân: Ngày 24/02/2009, Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 250.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 27/5/2009, Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 19/9/2012, Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Cố mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Ông **Lê Q Thành** và bà **Trần Thị Kim Oanh** – Luật sư, Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Cố mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn H:* Bà **Nguyễn Thị Hiền** – Luật sư, Công ty Luật TNHH Vũ Kiên, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Cố mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Khương Hồng S:* Ông **Vũ Quang Bình** – Luật sư, Công ty Luật Quốc C, Đoàn luật sư tỉnh Tuyên Quang (Cố mặt).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. **Đào Mạnh C**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khu 8, xã H, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt).

2. **Nguyễn Bá H2**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Nam Hà, tỉnh Hà Nam. (Vắng mặt).

3. **Trần Văn T2**, sinh năm 1970; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

4. **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. (Vắng mặt).

5. **Nguyễn Tiến Đ2**, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái. (Cố mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 15/10/2022, các bị cáo **Nguyễn Thị T; Lương Văn H; Khương Hồng S** và **Đào Ngọc Q** đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Cụ thể như sau:

1. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị T, Đào Ngọc Q, Khương Hồng S

- **Lần 1:** Khoảng đầu tháng 07/2022, bị cáo Nguyễn Thị T đi đến khu vực đường tàu ở thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái mua được 01 gói Heroine của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 1.000.000 đồng, rồi mang về nhà cất giấu mục đích để bán kiếm lời. Một ngày sau bị cáo Đào Ngọc Q sang nhà bị cáo T chơi (T và Q quen biết nhau khi cùng chấp hành án phạt tù tại Trại giam Qiển) và bị cáo T đã bán gói Heroine trên cho bị cáo Q với giá 2.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo Q đi về và sử dụng gói Heroine mua được của bị cáo T trao đổi cho bị cáo Khương Hồng S lấy 100 viên ma túy tổng hợp, việc trao đổi ma túy giữa Q và S được thực hiện tại khu vực Cổng chào thôn P, xã P, huyện S (100 viên ma túy tổng hợp đổi cho Q nằm trong số ma túy mà trước đó S đi vào thành phố Hồ Chí Minh chơi, mua của một người đàn ông không quen biết 100 viên ma túy tổng hợp và nửa chỉ Ketamine với số tiền là 14.000.000 đồng, mục đích mang về sử dụng và bán kiếm lời. Nhưng do

không bán được số ma túy tổng hợp nên S gọi điện cho Q nói muốn đổi 100 viên ma túy tổng hợp lấy Heroine). Sau khi đổi ma túy, bị cáo Q mang sang khu vực Ga C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái bán 70 viên ma túy tổng hợp cho một người đàn ông không biết tên, địa chỉ với giá 2.000.000 đồng. Số ma túy còn lại không bán được, bị cáo Q gọi điện cho bị cáo S bảo “còn 30 viên không bán được, S nói sẽ bù cho Q 2.000.000 đồng”. Sau đó, bị cáo S gặp, đưa cho bị cáo Q 2.000.000 đồng tại thị trấn S, huyện S; Q trả lại cho bị cáo S 30 viên ma túy tổng hợp. Về sau bị cáo S đã bán hết số ma túy này cho những người nghiện (không biết tên, địa chỉ).

- **Lần 2:** Sau lần mua bán, trao đổi ma túy trên, bị cáo Q đã giới thiệu với bị cáo T có bạn là Khương Hồng S ở thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu mua ma túy và bị cáo T đồng ý bán ma túy cho bị cáo S; đồng thời bị cáo Q cho bị cáo S số điện thoại của bị cáo T để trực tiếp liên hệ mua bán ma túy. Khoảng đầu tháng 8/2022 (không nhớ ngày), bị cáo S dùng số điện thoại 0344.213.312 gọi vào số điện thoại 0396.641.142 của bị cáo T và giới thiệu “em tên là S nhà ở thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, Q giới thiệu chị cho em, chị có ma túy bán không, bán cho em ít Heroine”. Bị cáo T đồng ý và bảo bị cáo S chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bị cáo T, rồi bị cáo T sẽ chuyển Heroine cho (T nhấn tin số tài khoản 9704.2292.0846.3134.256 cho S); sau đó bị cáo S sử dụng tài khoản ngân hàng của mình (số 1068.0702.1988) và vào ứng dụng ViettinBank Ipay chuyển cho bị cáo T 18.000.000 đồng; khi nhận được tiền, bị cáo T gọi điện bảo bị cáo S “Đi đến Cổng trào thôn P, xã P, huyện S thì gọi điện”. bị cáo S đi đến điểm hẹn, gọi điện thoại và được bị cáo T chỉ dẫn “ma túy để trong vỏ bao mì tôm ở chân cột Cổng trào thôn P phía bên tay phải”, bị cáo S đã lấy được 01 gói ma túy đựng trong túi nilon, rồi mang về nhà chia nhỏ ra để bán kiếm lời. Số ma túy này bị cáo T khai mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ tại khu vực Bến xe khách tỉnh Thái Nguyên với giá 10.000.000 đồng vào cuối tháng 7/2022 và cất giấu ở chân cột bê tông phía bên phải Cổng trào thôn P, xã P, huyện S nhằm mục đích để bán kiếm lời.

- **Lần 3:** Trưa ngày 12/9/2022, bị cáo S gọi điện thoại cho bị cáo T hỏi mua 19.000.000 đồng ma túy Heroine và ma túy đá, bị cáo T đồng ý và bảo bị cáo S “cứ chuẩn bị tiền trước đi, lúc nào hàng đến thì chuyển tiền cho chị”. Sau đó, bị cáo S chuyển 19.000.000 đồng từ tài khoản của bị cáo S vào số tài khoản của bị cáo T; nhận được tiền, bị cáo T gọi điện cho bị cáo S bảo “em đi ra cổng trường Mầm non H ở tổ dân phố T, thị trấn S thì gọi lại cho chị”, khoảng 10 phút sau bị cáo S đến điểm hẹn, gọi điện và được bị cáo T chỉ dẫn “chị để ma túy ở trong chiếc khẩu trang màu trắng dưới chân cột điện đối diện cổng trường Mầm non H”; bị cáo S lấy được 02 gói ma túy mang về bán. Số ma túy này bị cáo T khai mua của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ tại khu vực Bến xe khách tỉnh Thái Nguyên với giá 10.000.000 đồng vào ngày 10/9/2022 và cất giấu ở dưới chân cột điện đối diện cổng trường Mầm non H thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để bán cho S (do S đã hỏi trước).

- **Lần 4:** Khoảng 19 giờ ngày 04/10/2022, bị cáo S gọi điện cho bị cáo T hỏi “để cho em ít Heroine và ít viên Hồng Phấn”, bị cáo T bảo “ừ, chuyển tiền cho chị rồi chị chỉ chỗ lấy hàng cho”; bị cáo S chuyển 19.000.000 đồng từ tài khoản của mình vào số tài khoản của bị cáo T. Nhận được tiền, bị cáo T gọi điện bảo bị cáo S

“chị nhận được tiền rồi, ra cổng trường Mầm non H ở tổ dân phố T, thị trấn S đi”; bị cáo S đi đến điểm hẹn gọi điện và được bị cáo T chỉ dẫn “ở chỗ cũ” (ma túy để ở dưới chân cột điện đối diện cổng trường mầm non H). Bị cáo S lấy được ma túy mang về nhà chia nhỏ ra cho vào nhiều túi nilon cất giấu, mục đích để bán kiếm lời. Số ma túy này bị cáo T khai mua được của một người đàn ông không quen biết tại khu vực đường tròn T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, với giá 10.000.000 đồng vào ngày 02/10/2022 và cất giấu ở chân cột điện cổng trường Mầm non H thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 15/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo Nguyễn Thị T tại tổ dân phố 8, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái, thu giữ: **01** gói nhỏ được gói ngoài bằng giấy màu trắng, bên trong có chất bột vón cục màu trắng (ký hiệu M1), **09** túi nilon bên trong có chứa chất bột vón cục màu trắng (niêm phong trong hộp bìa cát tông); **02** túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong trong hộp bìa cát tông). Bị cáo T khai nguồn gốc số ma túy thu giữ trên là do ngày 09/10/2022 mua của Lương Văn H 01 bánh Heroin và khoảng 500 gam ma túy đá tại ngã ba H, khu vực đầu cầu Y thuộc thành phố Y, rồi bị cáo T mang về nhà chia ra thành nhiều cây Heroine (mỗi cây tương đương 35 gam) và bọc bên ngoài bằng nilon, quấn băng dính màu đen; còn ma túy đá bị cáo T để trong túi nilon. Toàn bộ số ma túy đá, Heroine và chiếc cân điện tử màu đen bị cáo T cho vào túi nilon màu trắng, cất giấu vào ngăn tủ ở phòng khách; ngoài ra T còn gói một số Heroine vào tờ giấy trắng có in chữ nhiều màu rồi cất vào bên trong chiếc giày để ở trên giá giày dép trong nhà. Số Heroine mua của bị cáo H, bị cáo T đã bán cho nhiều người nhưng không nhớ cụ thể; số còn lại bị Cơ quan điều tra thu giữ trong khi khám xét.

* *Tại Kết luận giám định số 1246/KL-KTHS, ngày 20/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận mẫu vật gửi giám định của Nguyễn Thị T: Số chất bột vón cục màu trắng trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là 1,209 gam. Số chất bột vón cục màu trắng trong hộp cát tông gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là 161,149 gam. Số chất tinh thể màu trắng trong hộp cát tông gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 544 gam.*

Đối với bị cáo Khương Hồng S, sau khi mua ma túy của bị cáo T về bị cáo S đã bán cho nhiều người, nhưng phần lớn không xác định được tên, địa chỉ cụ thể của người mua ma túy, trong đó chỉ làm rõ S đã 03 lần bán cho 03 người là Nguyễn Văn Đ; Trần Văn T2 và Nguyễn Bá H2, cụ thể: (1) Ngày 27/9/2022, Đ và T2 góp mỗi người 200.000 đồng để mua Heroine về sử dụng, sau đó Đ gọi điện thoại từ số 0365.505.594 đến số 0344.213.312 của bị cáo S hỏi mua Heroine, bị cáo S nhất trí và hẹn Đ đến Xưởng gỗ ở trước cửa nhà bị cáo S, khi Đ và T2 đến nơi, Đ đưa cho bị cáo S 400.000 đồng, còn bị cáo S đưa cho Đ 04 gói Heroine (không xác định được khối lượng); sau khi mua được ma túy Đ và T2 đi đến khu vực vắng người sử dụng hết số ma túy trên. (2) Ngày 03/10/2022, Đ và T2 tiếp tục góp mỗi người 200.000 đồng để mua Heroine sử dụng, sau đó Đ gọi điện thoại bị cáo S hỏi mua Heroine, bị cáo S đồng ý và hẹn Đ đến phòng trọ của bị cáo S tại tổ dân phố T, huyện S; khi Đ và T2 đến nơi, Đ đưa cho bị cáo S 400.000 đồng, còn bị cáo S đưa cho Đ 02 gói

Heroine; Đ và T2 mang đi sử dụng hết số ma túy này. (3) Ngày 08/10/2022, Nguyễn Bá H2 gọi điện thoại từ số 0975727838 đến số 0344213312 của bị cáo S hỏi mua Heroine, bị cáo S đồng ý bán và hẹn H2 đến Phòng trọ của bị cáo S; H2 đi xe mô tô Biển kiểm soát 22B1-268.73 đến gặp và đưa cho bị cáo S 500.000 đồng, bị cáo S đưa cho H2 03 gói Heroine; trên đường đi về đến đoạn bờ sông Phó Đáy thuộc tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện S thì H2 bị Tổ công tác của Công an huyện S bắt quả tang, thu giữ 03 gói ma túy Heroine trên.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo Khương Hồng S thu giữ: 06 túi nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng; 08 túi nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 84 gói nhỏ được gói bằng giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong đều chứa chất bột màu trắng; 01 túi nilon màu tím đen có viên màu đỏ bên trong chứa 74 viên nén màu hồng.

** Tại Kết luận giám định số 1224/GĐKTHS, ngày 12/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận mẫu vật gửi giám định của Nguyễn Bá H2: Là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng 0,276 gam.*

** Tại Kết luận giám định số 1225/KL-KTHS, ngày 14/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận mẫu vật gửi giám định của Khương Hồng S: Số chất tinh thể màu trắng (mẫu A1, mẫu A2, mẫu A3) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 14,742 gam ; Số chất tinh thể màu trắng (mẫu A4, mẫu A5, mẫu A6) gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, tổng khối lượng là 1,805 gam; Số chất bột vón cục màu trắng (mẫu A7, mẫu A8) gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng là 7,612 gam; 74 viên nén màu hồng (mẫu A9) gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 8,188 gam.*

2. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Đào Mạnh C

Khoảng 12 giờ ngày 09/10/2022, bị cáo T sử dụng số điện thoại 0356872514 gọi đến số điện thoại 0779390181 cho H hỏi mua 01 bánh Heroine và ma túy đá, bị cáo H đồng ý và báo với bị cáo T 01 bánh Heroine có giá là 180.000.000 đồng, còn ma túy đá bị cáo H chưa báo giá vì phụ thuộc vào chất lượng. Sau đó, bị cáo H gọi đến số điện thoại 0397059218 của Đào Mạnh C hỏi “*có ma túy bán không*”, C trả lời “*có, anh muốn mua bao nhiêu*”, bị cáo H nói “*Bây giờ chị T muốn mua một bánh Heroine và một ít ma túy đá, còn anh mua một bánh Heroine*”, C đồng ý vì hiện C đang có 02 bánh Heroine (01 bánh còn nguyên, 01 bánh bóc ra) và 01 túi ma túy đá khoảng 500 gam. Khoảng 13 giờ cùng ngày, bị cáo H gọi điện cho C bảo mang 01 bánh Heroine và ma túy đá đến ngã ba H, khu vực đầu cầu Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái để giao ma túy cho bị cáo T, còn 01 bánh Heroine thì mang lên nhà giao cho bị cáo H, tiền mua ma túy bị cáo H sẽ T2 toán sau, C đồng ý; sau đó bị cáo H gọi điện bảo bị cáo T đến địa điểm trên để nhận ma túy từ C (trước đó thông qua H, T đã quen biết C). Cùng lúc này C lấy ra 01 bánh Heroine và khoảng 500 gam ma túy đá cho vào một túi nilon màu đen và điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 21B2168.61 đi đến điểm hẹn, còn bị cáo T cũng điều khiển xe mô tô của mình đi ra điểm hẹn; khi gặp nhau, C đưa cho bị cáo T túi nilon màu đen bên trong có 01 bánh Heroine và khoảng

500 gam ma túy đá. Bị cáo T mang số ma túy trên về nhà chia nhỏ ra cất giấu để bán kiếm lời, còn C thì đi về nhà lấy tiếp 01 bánh Heroine còn lại được bọc ngoài bằng nilon màu đen, cất giấu vào trong túi áo và ra đón xe khách đi lên nhà bị cáo H ở phường X, thành phố L, tỉnh Lào Cai; khoảng 16 giờ cùng ngày, C đến nơi, đưa cho bị cáo H bánh Heroine, H cầm cất đi và nói “*hiện tại anh không có tiền ở đây, vài hôm nữa anh trả tiền cho em*”, C đồng ý; tối hôm đó C ngủ lại nhà bị cáo H đến sáng hôm sau thì về.

Sau khi mua được bánh Heroine của C, bị cáo H đã lấy ra một phần gói vào túi nilon màu trắng, cất ở túi quần để sử dụng và bán kiếm lời. Đến ngày 12/10/2022, có một người đàn ông đến nhà bị cáo H giới thiệu tên là A Phúc, người Trung Quốc hỏi mua Heroine với số tiền 100.000.000 đồng, bị cáo H đồng ý bán và hẹn A Phúc gặp nhau ở khu vực bờ Sông Năm Thi thuộc khu vực phố mới thành phố L để giao ma túy. Sau đó, A Phúc đi ra chỗ hẹn trước; bị cáo H lấy hết số Heroine còn lại ra gói bằng nilon màu đen rồi mang ra điểm hẹn, đến nơi H đưa gói Heroine cho A Phúc và nhận từ A Phúc 100.000.000 đồng như thỏa thuận.

Ngày 13/10/2022, bị cáo H và C đến nhà bị cáo T chơi, sau khi ăn cơm trưa xong, bị cáo T lấy ra 140.000.000 đồng để lên bàn uống nước và bảo với bị cáo H là trả tiền mua ma túy, còn nợ lại bị cáo H 40.000.000 đồng tiền mua 01 bánh Heroine và tiền mua ma túy đá, do chưa bán được nên chưa có tiền trả. bị cáo H cầm tiền bị cáo T đưa và bỏ thêm ra 100.000.000 đồng, tổng cộng là 240.000.000 đồng đưa cho C để trả trước tiền mua ma túy (riêng bị cáo H còn nợ C 30.000.000 đồng); C cầm tiền rồi đi về, còn bị cáo H ngủ lại nhà bị cáo T. Đến sáng ngày 14/10/2022, bị cáo T rủ bị cáo H lái xe ô tô biển kiểm soát 29A-778.35 (xe ô tô thuê của anh Bùi Xuân C) đưa T sang huyện C, tỉnh Tuyên Quang ăn cưới; khoảng 06 giờ sáng ngày 15/10/2022, bị cáo H bị Cơ quan điều tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 gói nhỏ chứa chất bột vón cục màu trắng. Bị cáo H khai số Heroine tàng trữ nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, nhưng quá trình điều tra bị cáo H thay đổi lời khai tàng trữ ma túy nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Đến ngày 15/10/2022, C đi lên tỉnh S La tìm mua ma túy về bán, trên đường mang ma túy về đến xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái thì bị Công an tỉnh Yên Bái phát hiện bắt quả tang và thu giữ 06 bánh Heroine và 6,3kg thuốc phiện. Ngày 19/10/2022, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái đã khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với C về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

** Tại Kết luận giám định số 1245/KL-KTHS, ngày 19/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận: Mẫu vật thu giữ của Lương Văn H gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng là 1,767 gam.*

*** Xét nghiệm tìm chất ma túy**

- Tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể của Khương Hồng S, Nguyễn Bá H2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn Đ, Lương Văn H, Đào Ngọc Q, Nguyễn Thị T, kết quả H2, Đ, T2, H (+) dương tính với chất ma túy Heroine; còn T, S, Q kết quả (-) âm tính.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-P1 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị T và Lương Văn H về

tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Khương Hồng S về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Đào Ngọc Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với quá trình điều tra và bản Cáo trạng đã truy tố.

Phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g, đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022). Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn H tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022). Phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g, đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Khương Hồng S từ 17 năm tù đến 18 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (08/10/2022). Phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Căn cứ điểm q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q từ 08 năm tù đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022). Phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

+ 01 (một) túi niêm phong bên trong có chứa ma túy thu giữ của Nguyễn Thị T, bên ngoài mặt trước ghi tên vụ “*Nguyễn Thị T giám định ngày 15/10/2022*”.

+ 01 (một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa chất ma túy thu giữ của Lương Văn H, mặt trước bì ghi “*Tang vật vụ Lương Văn H giám định ngày 15/10/2022*”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong cùng 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang.

+ 03 (ba) phong bì niêm phong bên trong có chứa ma túy thu giữ của Khương Hồng S: Bì thứ nhất mặt trước ghi “*Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022*”; Bì thứ hai mặt trước ghi “*Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022 (A1; A2; A3; A4; A5; A6)*”; Bì thứ ba ghi “*Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022 (A7+48)*”.

+ 01 (một) cân điện tử POCKETSCALE, màu đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng.

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

+ 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Thị T nhãn hiệu NOKIA, model TA-1139, trong máy có lắp sim Viettel số 0356 872 514;

+ 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Lương Văn H nhãn hiệu NOKIA N1280, vỏ màu đen;

+ 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Khương Hồng S nhãn hiệu NOKIA, model: TA-1174, trong máy lắp sim1 Viettel số 0344213312;

+ 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Đào Ngọc Q nhãn hiệu NOKIA, model TA-1174, trong máy có lắp sim 1 Viettel số 0334184257; sim 2 Viettel số 0327572146.

** Trả lại tài sản, đồ vật:*

- *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T:* 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, model Galaxy Z Flip3 5G, bên trong có sim số 0398220679; 01 Căn cước công dân số 015173001522 mang tên Nguyễn Thị T.

- *Trả lại cho bị cáo Lương Văn H:* 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; 01 Ví da cũ, màu nâu, có in chữ TISDENY; 01 Giấy phép lái xe mang tên Lương Văn H, cấp ngày 29/4/2022; 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lương Văn H, cấp ngày 04/02/2022.

- *Trả lại cho bị cáo Khương Hồng S:* 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, bên trong không có sim; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu VSMART, trong máy có lắp sim Viettel số 0967263138; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, bên trong có sim Viettel số 0363707000; số tiền 7.200.000 đồng (đã trừ 1.300.000 đồng truy thu, nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án).

- *Trả lại cho bị cáo Đào Ngọc Q:* 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 13 Pro Max, bên trong có một sim số 0824236061; 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, model TA-1034, trong máy có lắp sim Viettel số 0335037672; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Ngọc Q.

** Truy thu sung ngân sách Nhà nước:*

Truy thu toàn bộ số tiền bán ma túy mà có của các bị cáo, trong đó truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 58.000.000 đồng; truy thu của bị cáo Khương Hồng S số tiền 1.300.000 đồng (trừ vào số tiền 8.500.000 đồng đã tạm giữ của bị cáo); truy thu của bị cáo Đào Ngọc Q số tiền 4.000.000 đồng.

* Tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án đối với các tài khoản số 97042292084 63134256 của Nguyễn Thị T mở tại Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (VIETTELPAY), số dư trong tài khoản là 56.405.351 đồng; tài khoản số 569197899999 của Lương Văn H mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank), số dư trong tài khoản đến ngày 25/11/2022 là 22.106.378 đồng; tài khoản số 107871217730 của Đào Ngọc Q mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank), số dư trong tài khoản đến ngày 31/10/2022 là 13.585.805 đồng .

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Những người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S đều nhất trí với tội danh, điều luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với các bị cáo và đều đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét xử phạt các bị cáo mức án dưới mức đề nghị của Viện Kiểm sát để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội; đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo vì các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải đi chấp hành án trong thời gian dài nên không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung.

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q không có ý kiến tham gia tranh luận và cũng không có ý kiến bào chữa bổ sung. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; các kết luận giám định về ma túy; các biên bản kiểm tra giao dịch cuộc gọi, tin nhắn trong điện thoại; lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng; lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2022 đến ngày 15/10/2022, tại địa bàn tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Yên Bái các bị cáo Nguyễn Thị T; Lương Văn H; Khương Hồng S; Đào Ngọc Q đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Cụ thể như sau:

1. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Thị T

- Lần 1: Khoảng đầu tháng 07/2022, tại tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi mua bán trái phép 01 gói ma túy loại Heroine, với giá 2.000.000 đồng cho bị cáo Đào Ngọc Q.

- Lần 2: Khoảng đầu tháng 8/2022, tại khu vực Cống trào thôn P, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi mua bán trái phép 01 gói ma túy loại Heroine, với giá 18.000.000 đồng cho bị cáo Khương Hồng S.

- Lần 3: Ngày 12/9/2022, tại khu vực chân cột điện đối diện cổng Trường Mầm non H, thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi mua bán trái phép 01 gói ma túy loại Heroine và 01 gói ma túy loại Methamphetamine, với giá 19.000.000 đồng cho bị cáo Khương Hồng S.

- Lần 4: Khoảng 19 giờ ngày 04/10/2022, tại khu vực chân cột điện đối diện cổng Trường Mầm non H, thuộc tổ dân phố T, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Nguyễn Thị T có hành vi mua bán trái phép 01 gói ma túy loại Heroine và 01 gói ma túy loại Ketamine, với giá 19.000.000 đồng cho bị cáo Khương Hồng S.

Ngoài hành vi trên đây, bị cáo Nguyễn Thị T còn có hành vi tàng trữ ma túy tại nhà riêng ở tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái, mục đích là để bán kiếm lời và đã bị Cơ quan điều tra thu giữ ngày 15/10/2022, gồm: 162,358 gam ma túy loại Heroine, 544 gam ma túy loại Methamphetamine.

Tổng khối lượng các loại ma túy mà bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự là: Số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo Khương Hồng S (7,612 gam ma túy loại Heroine, 22,93 gam ma túy loại Methamphetamine); số ma túy mà bị cáo S bán cho Nguyễn Bá H2 (0,276 gam ma túy loại Heroine); số ma túy thu giữ tại nhà riêng bị cáo T (162,358 gam ma túy loại Heroine, 544 gam ma túy loại Methamphetamine).

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015: Khối lượng 02 chất ma túy, loại Methamphetamine 566,93 gam + loại Heroine 170,246 gam, tổng khối lượng là 737,176 gam = 737,176%, thuộc trường hợp truy tố theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

2. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lương Văn H

- Khoảng 12 giờ ngày 09/10/2022, bị cáo Lương Văn H đã có hành vi mua bán trái phép 01 bánh ma túy loại Heroine, trị giá 180.000.000 đồng và 544 gam ma túy loại Methamphetamine cho bị cáo Nguyễn Thị T tại khu vực ngã ba H, khu vực đầu cầu Y thuộc thành phố Y, tỉnh Yên Bái (bị cáo H liên hệ với Đào Mạnh C mang số ma túy trên giao Nguyễn Thị T). Bị cáo T đã trả cho bị cáo H 140.000.000 đồng tiền mua 01 bánh ma túy loại Heroine; còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền mua bánh ma túy loại Heroine và tiền mua 544 gam ma túy loại Methamphetamine.

- Khoảng 06 giờ sáng ngày 15/10/2022, tại thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Lương Văn H bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ 01 gói ma túy loại Heroine, khối lượng là 1,767 gam, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời.

Ngoài hành vi trên đây, bị cáo Lương Văn H còn có hành vi mua 01 bánh Heroin của Đào Mạnh C sau đó đã bán cho một người đàn ông Trung quốc tên A Phúc (không rõ lai lịch cụ thể) với giá 100.000.000 đồng.

Tổng khối lượng ma túy bị cáo Lương Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự là: Số ma túy bị bắt quả tang (1,767 gam ma túy loại Heroine); số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Thị T (162,358 gam ma túy loại Heroine, 544 ma túy loại Methamphetamine).

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015: Khối lượng 02 chất ma túy, loại Methamphetamine 544 gam + loại Heroine 162,358 gam + loại Heroine 1,767 gam. Tổng khối lượng là 708,125 gam = 708,125 %, thuộc trường hợp truy tố theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

3. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Khương Hồng S:

- Lần 1: Đầu tháng 7/2022 (không nhớ ngày), bị cáo Khương Hồng S mua 100 viên ma túy tổng hợp dạng viên nén và nửa chỉ ma túy loại Ketamine, trị giá 14.000.000 đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh mang về thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để mua bán, trao đổi với bị cáo Đào Ngọc Q 100 viên ma túy tổng hợp lấy 01 gói ma túy loại Heroine (không xác định khối lượng). Bị cáo Q đã bán 70 viên ma túy tổng hợp cho người không quen biết được 2.000.000 đồng; trả lại cho bị cáo S 30 viên ma túy tổng hợp. Số ma túy loại Heroine trao đổi với bị cáo Q và 30 viên ma túy tổng hợp do bị cáo Q trả lại, bị cáo S đã bán cho nhiều người không xác (định được tên, địa chỉ).

- Lần 2: Khoảng 11 giờ ngày 27/9/2022, tại Xưởng gỗ trước cửa nhà bị cáo S ở thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Khương Hồng S đã có hành vi bán trái phép 04 gói Heroine, trị giá 400.000 đồng cho Nguyễn Văn Đ và Trần Văn T2; tiền mua ma túy do Đ và T2 mỗi người góp 200.000 đồng. Số ma túy loại Heroine trên là bị cáo S mua của bị cáo Nguyễn Thị T ngày 12/9/2022.

- Lần 3: Khoảng 09 giờ ngày 03/10/2022, tại Phòng trọ của mình ở tổ dân phố T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, bị cáo Khương Hồng S tiếp tục có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy loại Heroine, trị giá 400.000 đồng cho Đ và T2; tiền mua ma túy do Đ và T2 mỗi người góp 200.000 đồng. Số ma túy loại Heroine trên là bị cáo S mua của bị cáo Nguyễn Thị T ngày 12/9/2022.

- Lần 4: Khoảng 11 giờ ngày 8/10/2022, tại Phòng trọ của mình, bị cáo Khương Hồng S có hành vi bán trái phép 03 gói ma túy loại Heroine, trị giá 500.000 đồng cho Nguyễn Bá H2. Số ma túy loại Heroine này S mua của bị cáo Nguyễn Thị T ngày 04/10/2022.

Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Khương Hồng S phải chịu trách nhiệm hình sự là: Số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo S (22,930 gam ma túy loại Methamphetamine, 7,612 gam ma túy loại Heroine, 1,805 gam ma túy loại Ketamine); số ma túy bị cáo S bán cho Nguyễn Bá H2 đã bị thu giữ (0,276 gam ma túy loại Heroine).

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2015: Khối lượng 03 chất ma túy, loại Methamphetamine 22,930 gam + loại Heroine 7,888 gam + Ketamine 1,805 gam. Tổng khối lượng là 32,623 gam = 108,135 %, thuộc trường hợp truy tố theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

4. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Đào Ngọc Q:

Đầu tháng 7/2022 (không nhớ ngày), bị cáo Đào Ngọc Q có hành vi mua của bị cáo Nguyễn Thị T 2.000.000 đồng ma túy loại Heroine mang về huyện S, tỉnh Tuyên Quang trao đổi với bị cáo Khương Hồng S lấy 100 viên ma túy tổng hợp. Số ma túy này Q mang sang khu vực Ga tàu ở thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái bán được 70 viên với giá 2.000.000 đồng; còn lại 30 viên ma túy tổng hợp không bán được, bị cáo Q trả lại cho bị cáo S và được bị cáo S đưa cho 2.000.000 đồng.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Lương Văn H về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Khương Hồng S về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đào Ngọc Q về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bản thân các bị cáo nhận thức được tính nguy hiểm hành vi mua bán trái phép ma túy của mình, nhưng đã cố ý coi thường pháp luật. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của bị cáo và gia đình mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác phát triển, hành vi đó đi ngược lại với chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm mất an ninh chính trị tại địa phương, do vậy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, vai trò phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị T: Trong vụ án này, bị cáo có hành vi mua bán trái phép chất ma túy một lần cho bị cáo Q, ba lần cho bị cáo S và mua bán một lần với bị cáo H và Đào Mạnh C với tổng khối lượng của các loại ma túy bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu trách nhiệm hình sự là: 566,93 gam loại Methamphetamine + 170,246 gam loại Heroine, tổng khối lượng là 737,176 gam. Bị cáo phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo Lương Văn H: Bị cáo H có hành vi mua bán trái phép chất ma túy một lần cho bị T nhưng khối lượng ma túy trong một lần mua bán này là rất lớn, ngoài ra bị cáo H còn có hành vi mua 01 bánh Heroin của Đào Mạnh C sau đó đã bán cho một người đàn ông Trung quốc tên A Phúc (không rõ lai lịch cụ thể) với giá 100.000.000 đồng. Tổng khối lượng ma túy bị cáo Lương Văn H phải chịu trách nhiệm hình sự là 708,125 gam, trong đó 544 gam loại Methamphetamine, 164,125 gam loại Heroine. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Khương Hồng S: Trong vụ án này bị cáo S thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy từ bị cáo T và từ đó bán số ma túy này cho Nguyễn Văn Đ, Trần Văn T2, Nguyễn Bá H2. Ngoài ra bị cáo S còn mua 100 viên ma túy

tổng hợp từ trong thành phố Hồ Chí Minh mang về và trao đổi với bị cáo Đào Ngọc Q để lấy Heroin, bị cáo Q bán được 70 viên ma túy tổng hợp, trả lại cho bị cáo S 30 viên, số ma túy còn lại này bị cáo S đã bán hết cho nhiều người. Tổng khối lượng ma túy mà bị cáo Khương Hồng S phải chịu trách nhiệm hình sự là 32,623 gam bao gồm: Số ma túy thu giữ tại nhà bị cáo S (22,930 gam ma túy loại Methamphetamine, 7,612 gam ma túy loại Heroine, 1,805 gam ma túy loại Ketamine); số ma túy S bán cho Nguyễn Bá H2 đã bị thu giữ (0,276 gam ma túy loại Heroine). Bị cáo phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Đào Ngọc Q có hành vi mua bán trái phép chất ma túy loại Heroin một lần với bị cáo T và mang về trao đổi với bị cáo S lấy 100 viên ma túy tổng hợp mang đi bán được 70 viên, còn lại 30 viên trả lại cho bị cáo S và được bị cáo S đưa lại cho 2.000.000 đồng tiền mặt. Số lượng ma túy bị cáo mua bán trái phép là thấp nhất trong vụ án. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã bị truy tố theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là tình tiết định khung nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “ *Tái phạm nguy hiểm* ” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lương Văn H có anh trai (cùng mẹ khác cha) là Vi Văn P là Liệt sỹ; bị cáo Đào Ngọc Q có bố đẻ là Đào Ngọc T2 được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang các hạng Nhất, Nhì, Ba và danh hiệu “Dũng sỹ diệt Mỹ năm 1972”; bị cáo Nguyễn Thị T có bố đẻ là ông Nguyễn Kiên C được tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Q được tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo H, Q, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức án: Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận, điều đó cũng có nghĩa là đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo (được hưởng mức án dưới mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị) không được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy vì mục đích nhằm thu lợi cho bản thân, do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự; không có căn cứ chấp nhận yêu cầu miễn hình phạt bổ sung của các bị cáo và những người bào chữa cho các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Đối với số vật chứng là ma túy thu giữ được khi bắt và khám xét, sau khi giám định được niêm phong trong các phong bì có chữ ký và dấu niêm phong của cơ quan có thẩm quyền và 01 cân điện tử POCKETSCALE, xét thấy cân tích thu tiêu hủy.

- Đối với 04 chiếc điện thoại di động mà các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q đã sử dụng vào việc liên lạc, trao đổi mua bán trái

phép chất ma túy được xác định là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 06 chiếc điện thoại còn lại đã thu giữ của các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q trong quá trình điều tra (Trong đó Nguyễn Thị T 01 Điện thoại di động, Lương Văn H 01 Điện thoại di động, Khương Hồng S 03 Điện thoại di động, Đào Ngọc Q 01 Điện thoại di động) do các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

- Các tài sản, giấy tờ còn lại đã thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm, cần trả lại cho các bị cáo gồm: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T; 01 Ví da cũ, màu nâu của Lương Văn H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Lương Văn H; 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lương Văn H; 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Đào Ngọc Q.

- Đối với số tiền 7.200.000 đồng còn lại đã tạm giữ của bị cáo Khương Hồng S (sau khi đã trừ 1.300.000 đồng truy thu) cần trả lại cho bị cáo S nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[7] Về các biện pháp tư pháp: Số tiền bán ma túy mà có của các bị cáo cần được truy thu để sung vào ngân sách Nhà nước, trong đó:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 58.000.000 đồng (2.000.000 đồng tiền bán ma túy cho Đào Ngọc Q; 56.000.000 đồng tiền bán ma túy cho Khương Hồng S);

- Truy thu của Khương Hồng S số tiền 1.300.000 đồng (500.000 đồng bán ma túy cho Nguyễn Bá H2; 800.000 đồng bán ma túy cho Trần Văn T2 và Nguyễn Văn Đ). Số tiền truy thu này được trừ vào khoản tiền 8.500.000 đồng đã thu giữ của bị cáo S trong quá trình điều tra;

- Truy thu của Đào Ngọc Q số tiền 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng tiền bán 70 viên ma túy tổng hợp và 2.000.000 đồng tiền của S lấy lại 30 viên ma túy tổng hợp);

- Đối với lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H và Đào Ngọc Q, xét thấy tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với Nguyễn Bá H2 bị khởi tố vụ án hình sự theo Quyết định khởi tố vụ án số 73 và khởi tố bị can theo Quyết định khởi tố bị can số 118 cùng ngày 17/10/2022 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 06/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã tách vụ án hình sự số 01 đối với bị can H2 để điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật và tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2023/HS-ST ngày 09/5/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xử phạt 01 năm 3 tháng tù đối với H2 về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với Đào Mạnh C có hành vi bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Lương Văn H (02 bánh ma túy loại Heroine và khoảng 500 gam ma túy loại Methamphetamine), đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang khởi tố bị can về hành vi trên, do bị can C còn liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại tỉnh Yên Bái nên sau khi trao đổi, thống nhất, ngày 10/3/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang đã ra Quyết định tách vụ án hình sự về hành vi

Mua bán trái phép chất ma túy của bị can C chuyển đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái để điều tra theo thẩm quyền, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với 03 người đàn ông mà bị cáo Nguyễn Thị T khai đã bán ma túy cho bị cáo tại khu vực đường tròn Tân Long, thành phố Thái Nguyên; khu vực Bến xe khách tỉnh Thái Nguyên; khu vực đường tàu thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái: Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng không có đủ tài liệu chứng cứ để xác định những người bán ma túy cho bị cáo T, không có căn cứ để xem xét, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với người đàn ông mà bị cáo Đào Ngọc Q khai đã mua của bị cáo 70 viên ma túy tổng hợp tại thị trấn C, huyện T, tỉnh Yên Bái: Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng không có đủ tài liệu chứng cứ để xác định người mua ma túy của bị cáo Q, không có căn cứ xem xét, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với người đàn ông mà bị cáo Khương Hồng S khai đã bán ma túy cho bị cáo tại thành phố Hồ Chí Minh và một số người đã mua ma túy của bị cáo tại huyện S: Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng không có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định người mua, bán ma túy với bị cáo S, không có căn cứ xem xét, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với người đàn ông tên là A Phúc (người Trung Quốc) mà bị cáo Lương Văn H khai đã mua ma túy của bị cáo tại thành phố L, tỉnh Lào Cai, Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra, nhưng không có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định người mua ma túy tên A Phúc, không có căn cứ xem xét, xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1. Về hình phạt

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; điểm g, đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022).

Phạt bổ sung: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 4, khoản 5 Điều 251; đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn H tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022).

Phạt bổ sung: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm g, đoạn 2 điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Khương Hồng S 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (08/10/2022).

Phạt bổ sung: 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (15/10/2022).

Phạt bổ sung: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106, khoản 1 Điều 129 Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Về xử lý vật chứng.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) túi niêm phong còn nguyên vẹn, có mã số NS1.2005572, bên trong có chứa ma túy, bên ngoài mặt trước ghi tên vụ: “Nguyễn Thị T giám định ngày 15/10/2022”, có chữ ký của ông Bàn Xuân Hồng Điều tra viên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; ông Lê Hoài Vũ, Cán bộ giám định phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang; Bà Nguyễn Thuý Vân, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang; bị cáo Nguyễn Thị T.

- 01 (Một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa ma túy, mặt trước bì ghi: “Tang vật vụ: Lương Văn H giám định ngày 15/10/2022, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của thành phần tham gia niêm phong cùng 05 hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tuyên Quang;

- 03 (ba) phong bì niêm phong còn nguyên vẹn, bên trong có chứa ma túy, bên ngoài mặt sau của cả 03 (ba) bì đều có chữ ký của ông Lý Văn Doanh, Cán bộ Công an huyện S, tỉnh Tuyên Quang; ông Lê Hoài Vũ, Cán bộ giám định phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang; Ông Nguyễn Ngọc Anh, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Đường sự Khương Hồng S trên các mép dán có các hình dấu của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang. Bì thứ nhất mặt trước ghi “Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022”; Bì thứ hai mặt trước ghi “Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022 (A1; A2; A3; A4; A5; A6); Bì thứ ba ghi “Tang vật vụ Khương Hồng S giám định ngày 08/10/2022 (A7+A8).

- 01 (một) cân điện tử POCKETSCALE, màu đen, đã qua sử dụng.

** Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:*

- 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Khương Hồng S nhãn hiệu NOKIA, model TA-1174, loại máy có bàn phím bấm, vỏ máy màu xanh, trên mặt sau của máy có ghi 0344213312, số IMEI 1: 353115113534001, số IMEI 2: 353115118534006,

trong máy có lắp sim 1viettel số: 0344213312 (mặt sau của sim có dãy số 8984 04800 09043 36970);

- 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Nguyễn Thị T nhân hiệu NOKIA, model TA-1139, loại máy có bàn phím bấm, vỏ máy màu đen, số IMEI1: 353149114948712, số IMEI2: 353149115448712 trong máy có lắp sim viettel số: 0356 872 514 (mặt sau sim có dãy số 8984 04800 03808 68941);

- 01 (một) Điện thoại di động của bị cáo Đào Ngọc Q nhân hiệu NOKIA, model TA-1174, loại máy có bàn phím bấm, vỏ máy màu đen, số IMEI 1: 357683100837212, số IMEI 2: 357683100837220, trong máy có lắp sim 1viettel số: 0334184257 (mặt sau của sim có dãy số 8984 04800 09041 65566); sim 2 viettel số: 0327572146 (mặt sau của sim có dãy số 8984 04800 09037 96166);

- 01 Điện thoại di động của bị cáo Lương Văn H nhân hiệu NOKIA N1280, vỏ màu đen, số Seri: 353414045662208, máy cũ đã qua sử dụng.

** Trả lại tài sản, đồ vật:*

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T: 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu SAMSUNG, model Galaxy Z Flip3 5G, vỏ máy màu trắng, màn hình cảm ứng, số máy Sm-F711B, số se-ri R5CT52LK4HK, IMEI 355001769920165, IMEI(eSIM) 359042139920168 (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng) bên trong có một sim điện thoại số 0398220679 (mặt sau sim có dãy số 8984 04800 00343 76987); 01 (một) Căn cước công dân số 015173001522 mang tên Nguyễn Thị T.

- Trả lại cho bị cáo Lương Văn H: 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu Iphone 12 Promax, màu ghi xám, số máy: MG923LL/A; số Seri: F2LG1BZROD43; IMEI 1: 35 133088 971774 6; IMEI 2: 35 133088 974448 4; 01 (một) Ví da cũ, màu nâu, có in chữ TISDENY; 01 (một) Giấy phép lái xe số 100228001967, mang tên Lương Văn H, cấp ngày 29/4/2022; 01(một) thẻ Căn cước công dân số 010078007487 mang tên Lương Văn H, cấp ngày 04/02/2022.

- Trả lại cho bị cáo Khương Hồng S: 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu Iphone 5S, vỏ máy màu xám đen, màn hình cảm ứng, số máy ME335J/A, số se-ri DNPLN5QBFFFJ; IMEI 358757053285519, MEID 35875705328551, bên trong không có sim; 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu VSMART, model: VOS3.0, kiểu máy star, loại máy màn hình cảm ứng, vỏ máy mặt sau màu đỏ, mặt trước màn hình màu đen, số IMEI 1: 356742104909020, số IMEI 2: 356742104909038 trong máy có lắp sim viettel số: 0967263138 (mặt sau của sim có dãy số 8984 04800 03832 43986); 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu Iphone Xs, vỏ máy màu đen, màn hình cảm ứng, số máy MT9E2B/A, số se-ri C38XVBJRKPG1, IMEI: 357217099306523, MEID: 35721709930652, bên trong có sim viettel số: 0363707000 (mặt sau của sim có dãy số 8984 04800 03800 82817).

- Trả lại cho bị cáo Đào Ngọc Q: 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu iPhone 13 Pro Max, vỏ máy màu xanh nhạt, màn hình cảm ứng, số máy MLJD3J/A, số se-ri PQNOVHXDOY, IMEI 352060427447394, bên trong có một sim điện thoại số: 0824236061 (mặt sau của sim có dãy số 898402000 11244317234); 01 (một) Điện thoại di động nhân hiệu NOKIA, model: TA-1034, loại máy có bàn phím bấm, vỏ máy màu đen, kính màn hình bị nứt vỡ, số IMEI 1: 359014096931454, số IMEI 2:

359014097931453 trong máy có lắp sim viettel số: 0335037672 (mặt sau của sim có dãy số 89840 4800 08007 6207); 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 070907432 mang tên Đào Ngọc Q.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 28/6/2023).

2.2. Về Biện pháp tư pháp.

** Truy thu sung ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền các bị cáo phạm tội mà có. Trong đó:*

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 58.000.000 đồng *(Năm mươi tám triệu đồng);*

- Truy thu của bị cáo Đào Ngọc Q số tiền 4.000.000 đồng *(Bốn triệu đồng);*

- Truy thu của bị cáo Khương Hồng S số tiền 1.300.000 đồng *(Một triệu ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào khoản tiền 8.500.000 đồng *(Tám triệu năm trăm nghìn đồng)* đã thu giữ của bị cáo Khương Hồng S; trả lại cho bị cáo Khương Hồng S số tiền còn lại là 7.200.000 đồng *(Bảy triệu hai trăm nghìn đồng)* nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án *(Số tiền truy thu và trả lại cho bị cáo Khương Hồng S hiện đang gửi tại tài khoản số 3949.0.1054495.00000 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang tại Kho bạc nhà nước tỉnh Tuyên Quang theo Ủy nhiệm chi số 10/230710_1006751_2461010 ngày 10/7/2023).*

** Tiếp tục phong tỏa tài khoản để đảm bảo việc thi hành án đối với các tài khoản số 97042292084 63134256 của bị cáo Nguyễn Thị T mở tại Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội (VIETTELPA); số dư trong tài khoản là 56.405.351 đồng *(Năm mươi sáu triệu bốn trăm linh năm nghìn ba trăm năm mươi một đồng);* tài khoản số 569197899999 của bị cáo Lương Văn H mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank); số dư trong tài khoản đến ngày 25/11/2022 là 22.106.378 đồng *(Hai mươi hai triệu một trăm linh sáu nghìn ba trăm bảy mươi tám đồng);* tài khoản số 107871217730 của bị cáo Đào Ngọc Q mở tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank); số dư trong tài khoản đến ngày 31/10/2022 là 13.585.805 đồng *(Mười ba triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm linh năm đồng).**

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị T, Lương Văn H, Khương Hồng S, Đào Ngọc Q, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2023); những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án luật (bị cáo được kháng cáo toàn bộ nội dung bản án, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Công an tỉnh (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tuấn Vinh